TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành
Ông Tô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐ-ST ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Giáp Thị M, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại Đài Loan.
Chị M ủy quyền cho chị Vũ Thị C. Địa chỉ liên hệ: số A, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2024 (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc)

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Nơi thường trú: thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Giáp Thị M (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng tháng 11/2004 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong

cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung và dần hết tình cảm. Anh, chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn không thể nào giải quyết. Đến tháng 9/2013 chị sang Đài Loan làm việc, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H.

Về con chung: Chị, anh H có 02 con chung là cháu Vũ Văn D, sinh ngày 24/8/2003 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 11/12/2010. Hiện nay cháu D đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi. Cháu A đang học cấp 2 tại địa phương và sinh sống cùng anh H. Sau ly hôn chị đề nghị giao cháu A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu A với mức 3.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân như chị M trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị M xin ly hôn anh đồng ý. Anh cũng đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Giáp Thị M.

Về con chung: Anh, chị M có 02 con chung là cháu Vũ Văn D, sinh ngày 24/8/2003 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 11/12/2010. Hiện nay cháu D đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi. Cháu A đang học cấp 2 tại địa phương và sinh sống cùng anh. Sau ly hôn anh đề nghị giao cháu A cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu A với mức 3.000.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu. Anh đồng ý mức cấp dưỡng này.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Vũ Bảo A trình bày: Cháu và anh trai hiện nay đang sinh sống cùng bố tại bản thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cháu được bố chăm sóc đầy đủ cả về vật chất và tinh thần, được cho đi học đầy đủ. Hiện nay mẹ cháu đang đi lao động tại nước ngoài nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và anh trai.

Tại phiên tòa, chị Giáp Thị M và anh Vũ Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Giáp Thị M; bản tự khai của anh Vũ Văn H, biên bản lấy lời khai của cháu Ninh Thanh Thảo và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị M. Xử;

Về hôn nhân: Chị Giáp Thị M được ly hôn anh Vũ Văn H.

Về con chung: Do chị M hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Bảo A cho anh Vũ Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Giáp Thị M phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Bảo A cho anh Vũ Văn H mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ 01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M khởi kiện xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị M là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan, bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Giáp Thị M và anh Vũ Văn H.

[4]. Về hôn nhân: Chị Giáp Thị M và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp

luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn anh Vũ Văn H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Giáp Thị M với anh Vũ Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M, anh H chung sống hòa thuận. Nhưng từ năm 2022 đến nay chị M, anh H đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó. Do vậy, Hội đồng xác định vợ chồng chị M, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh H phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị M, anh H có 02 con chung là Vũ Văn D, sinh ngày 24/8/2003 và cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 11/12/2010. Cháu D hiện đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Cháu A hiện đang sinh sống cùng anh H. Sau khi ly hôn chị M đề nghị giao cháu A cho anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao cháu A cho anh H trực tiếp, nuôi dưỡng sau ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy: Chị M hiện đang lao động tại nước ngoài nên đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị M, anh H đều thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu A trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác con chung hiện đang sinh sống cùng anh H và phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M về việc giao cháu A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, chị Giáp Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Giáp Thị M về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/ 01 tháng. Anh H đồng ý mức cấp dưỡng này của chị M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu dưỡng của chị M và buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi cháu A cho anh H với mức cấp dưỡng hàng tháng là 3.000.000/ 01 tháng là phù hợp Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung trưởng

thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị M, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giáp Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Anh Giáp Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Vũ Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Giáp Thị M được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Bảo A, sinh ngày 11/12/2010 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Giáp Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Buộc chị Giáp Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Vũ Văn H nuôi dưỡng cháu Vũ Bảo A với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001334 ngày 25/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Giáp Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Giáp Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Vũ Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc